

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định mức thu phí sử dụng công trình
kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu
trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách tài chính đối với Khu kinh tế cửa khẩu.

Xét Tờ trình số 4304/TTr-UBND ngày 16/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu trong Khu vực cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh. Cụ thể như sau:

1. Đối tượng nộp phí:

Tổ chức, cá nhân (trong và ngoài nước) có phương tiện ra, vào cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh có trách nhiệm nộp phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng.

2. Cơ quan thu phí: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai.

3. Mức thu phí:

ĐVT:1.000VND/xe/lượt

TT	Đối tượng thu	Mức thu
I	Xe chở người, phương tiện vận tải (trừ phương tiện vận tải có chở hàng hóa qui định tại mục II bảng này)	
1	Xe ô tô chở người dưới 12 chỗ ngồi (năm); xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) dưới 02 tấn	50
2	Xe ô tô chở khách từ 12 chỗ ngồi (năm) đến 30 chỗ ngồi (năm); xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 02 tấn đến dưới 04 tấn	60
3	Xe ô tô chở khách từ 31 chỗ ngồi (năm) trở lên; xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 04 tấn đến dưới 10 tấn	120
4	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; Xe chở hàng bằng container 20 fit	180
5	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit	230
II	Phương tiện vận tải (kể cả xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa) có chở gỗ nhập khẩu (trừ gỗ rừng trồng và gỗ cây cao su), chở hàng hóa tạm nhập tái xuất, hàng hóa tạm xuất, tái nhập hàng hóa chuyển khẩu, hàng hóa của nước ngoài gửi kho ngoại quan xuất khẩu, hàng hóa quá cảnh	
1	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) dưới 02 tấn, có tải trọng CPTGGT.	200
2	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 02 tấn đến dưới 04 tấn	300
3	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 04 tấn đến dưới 10 tấn	800
4	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; Xe chở hàng bằng container 20 fit	1.500
5	Xe ô tô tải và xe chuyên dùng thuộc loại vận tải hàng hóa có tải trọng (cho phép tham gia giao thông) từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng container 40 fit	2.000

4. Đối tượng miễn nộp phí: Xe cứu thương; xe cứu hỏa; xe hộ đê; xe làm nhiệm vụ khẩn cấp về chống lụt bão; xe chuyên dụng phục vụ quốc phòng, an ninh; xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng sử dụng vé “phí đường bộ toàn quốc”; xe mô tô hai bánh, xe hai bánh gắn máy; xe ba bánh gắn máy; xe làm nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp khi có thảm họa lớn, dịch bệnh nguy hiểm; xe có hộ tống, dẫn đường; xe công vụ gồm: xe cơ quan Đảng, nhà nước, đoàn thể (không bao gồm xe của doanh nghiệp nhà nước) đi công tác; xe của đoàn công tác nước ngoài được miễn trừ ngoại giao theo quy định của Nhà nước.

5. kê khai, nộp phí của cơ quan thu:

a) Cơ quan thu phí thực hiện kê khai tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và nộp tiền phí phải nộp vào ngân sách nhà nước, sau khi trừ số tiền phí được để lại theo Chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.


b) Chậm nhất là vào ngày 05 của tháng kế tiếp, cơ quan thu phí phải gửi số tiền phí đã thu vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

6. Tỷ lệ trích để lại:

a) Cơ quan thu phí được để lại 20% tổng số tiền phí thu được, để trang trải chi phí phục vụ công việc thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

b) Cơ quan thu phí nộp ngân sách nhà nước 80% tổng số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XI, Kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2017. /: 

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Ủy ban TVQH;
- VPQH; VPCP;
- Cục kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT- TH.



Dương Văn Trang

